

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 15/2020/DSPT
Ngày 29/12/2020
V/v “tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Ông Nguyễn Quốc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Lê Văn Hùng -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2020 /QĐPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Phạm Thị B, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn H, thị xã D, tỉnh H, có mặt.

*** Bị đơn:** Phạm Thị C, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Trung B, phường T, thị xã D, tỉnh H, vắng mặt.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Anh Phạm Trung K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Trung B, phường T, thị xã D, tỉnh H, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1952, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1972, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Anh Phạm Minh P, sinh năm 1976, có mặt;

- Chị Phạm Thị S, sinh năm 1976, vắng mặt;

- Anh Phạm Trung K, sinh năm 1983, có mặt;

- Bà Dương Thị V, sinh năm 1955, có mặt;
- Anh Phạm Văn K, sinh năm 1984, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Bà Phạm Thị A, sinh năm 1962, có mặt;
- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967, có mặt;
- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1970, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Trung B, phường T, thị xã D, tỉnh H.

- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Ngô Tân, phường T, thị xã D, tỉnh H, có mặt.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Thượng, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Phạm Thị N (tức Hằng, sinh năm 1992); địa chỉ: thôn Lý Nhân, xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phạm Trung K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Trung B, phường T, thị xã D, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày Bố bà là cụ Phạm Văn D chết ngày 15/9/1991(AL), có 02 người vợ.

Vợ thứ nhất là cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2002) sinh được ông Phạm Đình L (sinh năm 1944 - chết năm 2007) vợ ông Lai là Bà Nguyễn Thị P; các con ông L là Chị Phạm Thị H; Anh Phạm Minh P; Chị Phạm Thị H và anh Phạm Minh S (đã chết từ nhỏ).

Vợ thứ hai là cụ Nguyễn Thị K có 07 người con chung, gồm: Ông Phạm Đức T (tức Phạm Văn T) (chết năm 2010) có vợ là bà Phạm Thị C và các con là Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và Anh Phạm Trung K.

Ông Phạm Văn K (chết năm 2015), có vợ là Bà Dương Thị V và các con là Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N (tức Hằng).

Bà Phạm Thị B; Bà Phạm Thị A; Bà Phạm Thị T; Bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn D (chết từ nhỏ). Ngoài ra, cụ K còn có một người con riêng là ông Phạm Văn L là Liệt sĩ không có vợ con.

Cụ D và cụ K khi chết không để lại di chúc và có để lại khối tài sản chưa chia thừa kế là: Diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã T, huyện D, tỉnh H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên cụ Nguyễn Thị K (hiện nay bà V và anh K đang quản lý sử dụng); diện tích 842m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa

Trung B, xã T (hiện nay thửa đất nông nghiệp này đang trong GCNQSDĐ của hộ ông Phạm Đức T và đã được Nhà nước thu hồi và được đền bù số tiền 171.768.000đ); 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ (cánh đồng Bia) thôn Hòa Trung B, xã T và 26m² đất trồng cây lâu năm. Hiện toàn bộ diện tích đất nông nghiệp và đất trồng cây lâu năm do hộ bà Phạm Thị C đang quản lý, sử dụng.

Do các con, cháu của cụ D, cụ K không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế của hai cụ để lại, nên bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với khối di sản nêu trên của cụ D và cụ K theo quy định của pháp luật. Riêng đối với diện tích 26m² đất trồng cây lâu năm, bà đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về diện tích đất này và không đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với diện tích đất 26m² này nữa.

Đối với diện tích 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ (cánh đồng Bia) thôn Hòa Trung B, xã T (hiện diện tích đất này đang trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ ông Phạm Đức T) thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T liên quan đến diện tích này mà bà C đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để xác định diện tích 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ là di sản thừa kế và chia theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn là bà Phạm Thị C trình bày: Cụ K và cụ D khi chết để lại di sản thừa kế là Diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã T. Đối với 842m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Dầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã T và diện tích 84,24 m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ, khi cụ K còn sống đã cho ông Phạm Đức T (là chồng bà) và gia đình bà đã được cấp GCNQSDĐ; đối với diện tích 26m² đất trồng cây lâu năm thì do ông T nộp tiền chuyển đổi để được hợp pháp và đã được cơ quan Nhà nước cấp GCNQSDĐ diện tích đất đó cho gia đình bà.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Anh Phạm Trung K trình bày: Anh chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của các cụ để lại, theo anh di sản của cụ K và cụ D để lại chỉ có 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã T. Đối với 842m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Dầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã T (hiện nay đã bị thu hồi và đền bù); Diện tích 26m² đất trồng cây lâu năm và diện tích 84,24 m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ đều là tài sản của bố mẹ anh, các tài sản này đang do gia đình anh sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bố anh là ông T. Anh cũng không có yêu cầu phản tố gì khác. Tại phiên tòa anh có đưa một số tài liệu chứng cứ thể hiện gia đình anh là người chăm sóc cụ K lúc còn sống và lo mai táng khi cụ K mất, tuy nhiên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà chỉ nêu ra cho HĐXX biết sự việc trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chị Phạm Thị S và Chị Phạm Thị D cùng nhất trí với quan điểm của như bà C và anh K trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Dương Thị V trình bày: Trước đây, khi cụ D và cụ K còn sống thì các cụ ở cùng vợ chồng bà và có nói cho vợ chồng bà diện tích đất 142m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ 08. Năm 1991

cụ D mất, không để lại di chúc đến năm 2005 thì cụ K mất cũng không để lại di chúc nhưng cụ K cũng nói diện tích đất ở này cho ông Phạm Văn K là chồng bà. Theo ý nguyện của các cụ thì các anh chị em cũng đồng ý để cho vợ chồng bà ở trên diện tích đất đó. Năm 1997 vợ chồng bà có xây dựng một căn nhà cấp 4, có diện tích khoảng 50m², nhà xây bằng gạch đỏ, vôi trắng nhưng chưa trát, không có công trình phụ; 01 căn bếp gạch si và 01 bể nước mưa. Ngoài ra không xây dựng công trình nào khác trên đất. Quá trình sinh sống trên đất thì gia đình bà không phải vượt lập, tôn tạo gì. Đến năm 2014 khi bà có ý định xây sửa lại nhà cửa và có đề nghị các anh chị em ký xác nhận để chuyển quyền sử dụng đất sang tên con trai bà là Anh Phạm Văn K, tất cả anh chị em đều nhất trí, chỉ riêng bà C và các con không đồng ý và không ký xác nhận để gia đình bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên đã xảy ra tranh chấp. Nay bà B yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D và cụ K để lại bà cũng nhất trí. Đối với ngôi nhà và các công trình khác xây dựng trên diện tích đất 142m² tại thửa số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội là tài sản của vợ chồng bà xây dựng đã được sự đồng ý của các anh chị em (tại thời điểm xây năm 1997). Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết đối với các tài sản của vợ chồng bà theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị P, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T, Chị Phạm Thị H, Anh Phạm Minh P, Anh Phạm Văn K, Chị Phạm Thị H, Chị Phạm Thị N cùng trình bày: Cụ D và cụ K khi chết không để lại di chúc và có để lại khối tài sản chưa chia thừa kế là 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội; 842m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội và 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội. Đối với diện tích đất 26m² đất trồng cây lâu năm, nay bà B là nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện thì mọi người có tên trên không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ D, cụ K theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Đ trình bày: Cụ K và cụ D khi chết để lại di sản thừa kế là diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội; diện tích 842m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội và diện tích 84,24 m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ. Quan điểm của bà mong các anh chị em trong gia đình thỏa thuận để giữ tình anh em, nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

* Xác minh tại chính quyền địa phương UBND phường Tiên Nội xác định: Cụ D và cụ K khi còn sống được Nhà nước giao 926,24m² đất nông nghiệp để canh tác; sau khi cụ D chết, cụ K do sức khỏe yếu đã giao lại đất cho ông Tỉnh canh tác. Trong quá trình sử dụng ông Tỉnh đã tự kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với di sản thừa kế của cụ D, cụ K, kết quả như sau:

Đối với diện tích 842m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội là tiêu chuẩn đất 115 của cụ K, đất tiêu chuẩn 1087 của cụ K, cụ D và của Liệt sỹ là con riêng của cụ K. Diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Đức T (chồng bà C), đã được nhà nước thu hồi và hỗ trợ bồi thường số tiền 171.768.000đ.

Đối với 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội là diện tích đất reo mạ của cụ D, cụ K, diện tích đất này hiện nằm trong 340m² đất nương mạ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Đức T (chồng bà C).

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 28/8/2020 như sau:

Giá trị đất ở 142m² x 1.200.000đ/m² = 170.400.000đ.

Giá trị đất nương mạ 84,24m² x 195.000đ/m² = 16.428.800đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DSST ngày 28/9/2020 Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 184, Điều 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân; điểm đ Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị B đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế diện tích 26m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 85, tờ bản đồ PL 08, thôn Hòa Trung, xã Tiên Nội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của nguyên đơn là bà Phạm Thị B đối với bị đơn là bà Phạm Thị C.

3. Xác định di sản của cụ Phạm Văn D và cụ Nguyễn Thị K gồm có:

+ Quyền sử dụng diện tích 142 m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội) mang tên cụ Nguyễn Thị K, trị giá 170.400.000đ (một trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng), do hộ Bà Dương Thị V đang quản lý;

+ Quyền sử dụng diện tích 926,24 m² đất nông nghiệp, trị giá 188.196.800đ (một trăm tám mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng) mang tên hộ ông Phạm Đức T, do bà Phạm Thị C quản lý.

Trong đó, xác định công sức duy trì, bảo quản di sản của hộ Bà Dương Thị V là 10.000.000đ và hộ bà Phạm Thị C 10.000.000đ, tổng là 20.000.000đ

Như vậy, tổng trị di sản là 358.596.800đ – 20.000.000đ (tiền công sức quản lý) = 338.596.800đ (ba trăm ba tám triệu năm trăm chín sáu nghìn đồng) được chia cho các kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Văn D, gồm: Quyền sử dụng Diện tích 2 miếng 8 đất % = 101m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), đã được UBND thị xã Duy Tiên thu hồi và được bồi thường tương ứng với số tiền 19.513.000 đ; quyền sử dụng 1/2 diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), trị giá 80.200.000đ. Tổng là 99.713.000đ : 9 (kỷ phần) = 11.079.000đ. Theo đó, cụ Nguyễn Thị L, cụ Nguyễn Thị K, ông Phạm Đình Lai, ông Phạm Đức T, ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của cụ Phạm Văn D trị giá là 11.079.000đ (mười một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

5. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị K, gồm: Quyền sử dụng Diện tích 741m² đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội) đã được UBND thị xã Duy Tiên thu hồi và được bồi thường tương ứng với số tiền 142.558.767đ; diện tích 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội) trị giá 16.206.681đ; 71 m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), trị giá 80.200.000đ và 1 kỷ phần di sản thừa kế của cụ D là 11.079.000đ. Tổng là 249.962.000đ: 06 (kỷ phần) = 41.660.000đ. Theo đó, ông Phạm Đức T, ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị K, trị giá là 41.660.000đ (bốn một triệu sáu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

6. Về kỷ phần thừa kế và người được hưởng thừa kế: Ông Phạm Đình L được hưởng 02 kỷ phần của cụ Phạm Văn D, trong đó có 01 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị L và 01 kỷ phần của ông Phạm Đình L, mỗi kỷ phần trị giá là 11.079.000đ x 2 = 22.158.000 (hai hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng); ông Phạm Đức T, ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ, mỗi người được hưởng một kỷ phần di sản của cụ Phạm Văn D là 11.079.000đ và 01 kỷ phần di sản của cụ Nguyễn Thị K là 41.660.000đ, tổng là 52.739.000đ (năm hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Hiện tại, do cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2002), Ông Phạm Đình L (chết năm 2007), ông Phạm Đức T (chết năm 2010) và ông Phạm Văn K (chết năm 2015). Do đó, kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị L, Ông Phạm Đình L sẽ được chuyển tiếp cho Bà Nguyễn Thị P, Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H cùng quản lý; kỷ phần thừa kế của ông Phạm Đức T sẽ được chuyển tiếp cho bà Phạm Thị C, Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và anh Phạm

Trung K cùng quản lý; kỷ phần thừa kế của ông Phạm Văn K sẽ được chuyển tiếp cho Bà Dương Thị V, Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N cùng quản lý.

7. Về phân chia di sản thừa kế và thanh toán chênh lệch tài sản:

7.1. Giao diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 tọa lạc tại thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), thị xã Duy Tiên mang tên cụ Nguyễn Thị K, trị giá 170.400.000đ cho Bà Dương Thị V, Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N cùng quản lý và sử dụng. Bà V, anh K, chị Nhung cùng được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của ông Khanh được hưởng từ cụ D và cụ K trị giá 52.739.000đ và 10.000.000đ (công sức quản lý), tổng là 62.739.000đ. Đối trừ chênh lệch tài sản, bà V, anh K và chị Nhung có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, bà A, bà T và bà Điều mỗi người số tiền 26.915.000đ (hai sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng). Bà V, anh K và chị Nhung có trách nhiệm kê khai đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

7.2. Giao diện tích 84,24m² đất nông nghiệp tại khu cửa nhà thờ Hòa Trung B (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), thị xã Duy Tiên cho bà Phạm Thị C, Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và Anh Phạm Trung K cùng được quản lý sử dụng. Bà C, chị S, chị D và anh K cùng được quyền quản lý 01 kỷ phần thừa kế của ông Tỉnh được hưởng từ cụ D, cụ K trị giá 52.739.000đ và 10.000.000đ (công sức quản lý), tổng là 62.739.000đ. Đối trừ giá trị di sản thừa kế được chia là 84,24m² đất mạ tại khu Nhà Thờ, trị giá 16.206.680đ. Nay bà C và các con được còn được nhận số tiền 46.311.000đ (bốn sáu triệu ba trăm mười một nghìn đồng). Bà C, chị S, chị D và anh K có trách nhiệm kê khai đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

7.3. Bà Nguyễn Thị P, Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H cùng được nhận 01 kỷ phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Lúu, trị giá 11.079.121đ và 01 kỷ phần di sản thừa kế của Ông Phạm Đình L được hưởng từ cụ Phạm Văn D, trị giá 11.079.121đ, tổng là: 22.158.000 (hai hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

7.4. Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ mỗi người còn được nhận số tiền 25.842.000đ (hai trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) từ khoản tiền bồi thường đất nông nghiệp của cụ Phạm Văn D, cụ Nguyễn Thị K bị thu hồi.

7.5. Yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã D bàn giao số tiền 171.768.000đ (một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng) có được từ việc thu hồi diện tích 842m² đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Phạm Thị C để thực hiện việc thi hành án.

7.6. Các cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai của thị xã D có trách nhiệm điều chỉnh diện tích đất đã được chia cho các đương sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020 Anh Phạm Trung K đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị C kháng cáo không đồng ý với việc Tòa án sơ thẩm xét xử diện tích đất 842m² ruộng và 84,2m² đất nương mạ là di sản của cụ D và cụ K mà đó là tài sản chung của ông Tỉnh và bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn bà Phạm Thị B; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt là bà V, bà A, bà T, anh P đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tuy nhiên khi chia di sản thừa kế, cấp sơ thẩm có sai sót về số liệu nên đề nghị cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Phạm Trung K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Anh Phạm Trung K: kháng cáo không đồng ý với diện tích đất 842m² ruộng và 84,24m² đất nương mạ là di sản của cụ D và cụ K mà cho rằng đó là tài sản chung của bố mẹ anh là ông Tỉnh và bà C.

Căn cứ tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương cùng lời khai của các bên đương sự; trong đó có lời khai của bà Phạm Thị C, Anh Phạm Trung K đều xác nhận về nguồn gốc diện tích 926,24m² đất nông nghiệp (gồm: 842m² đất ruộng và 84,24m² đất mạ) là tiêu chuẩn đất nông nghiệp theo Quyết định 1087/QĐ-UB ngày 28/8/1987 và Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của cụ D, cụ K để lại tại thôn Hòa Trung B, phường T, thị xã D, tỉnh H. Sau khi được nhà nước giao chia đất để canh tác, đến năm 1991 cụ D chết, do sức khỏe yếu nên cụ K đã giao toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trên cho ông Phạm Đức T (là con trai- chồng bà Phạm Thị C) sử dụng canh tác, để cung cấp lương thực cho cụ K khi còn sống. Quá trình canh tác ông Tỉnh đã kê khai đứng tên hộ gia đình ông đối với diện tích đất nông nghiệp này và được UBND huyện Duy Tiên (nay là thị xã Duy Tiên) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện theo ủy quyền cho rằng diện tích đất nông nghiệp 926,24m² đã được cụ K cho,

tặng; nhưng ngoài lời khai của mình thì bị đơn và người đại diện theo ủy quyền không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình. Do đó Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của TAND thị xã Duy Tiên xác định và chia thừa kế đối với 926,24m² đất nông nghiệp của cụ D và cụ K là có căn cứ. Nên kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn Anh Phạm Trung K đề nghị không chia thừa kế đối với 926,24m² đất nông nghiệp là di sản của cụ D và cụ K mà cho rằng đó là tài sản chung của bố mẹ anh là ông Tỉnh và bà C là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí phúc thẩm cho bà Phạm Thị C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 184, Điều 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; điểm đ Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị B đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế diện tích 26m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 85, tờ bản đồ PL 08, thôn Hòa Trung, xã Tiên Nội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của nguyên đơn là bà Phạm Thị B đối với bị đơn là bà Phạm Thị C.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Văn D và cụ Nguyễn Thị K gồm có:

- Diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội đã được định giá có trị giá 170.400.000đ.

- Diện tích 842 m² đất nông nghiệp tại cánh đồng Đầu Trâu đã thu hồi được đền bù trị giá 171.768.000đ và 84,24 m² đất nương mạ tại khu vực trước cửa Nhà thờ Hòa Trung có trị giá 16.428.800đ.

Tổng giá trị di sản của hai cụ trị giá là 358.596.800đ.

4. Xác định công sức duy trì, quản lý di sản cho gia đình bà Phạm Thị C 10.000.000đ và Bà Dương Thị V 10.000.000đ.

Tổng giá trị di sản còn lại của cụ D và cụ K là 358.596.800đ - 20.000.000đ = 338.596.800đ.

5. Xác định di sản của cụ D, gồm có: Diện tích 2 miếng 8 đất phần trăm bằng 101m² ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội. Diện tích đất này đã được UBND thị xã Duy Tiên thu hồi và được bồi thường tương ứng với số tiền 19.513.000đ (sau khi đã trừ đi công sức đóng góp); ½ diện tích đất ở 142m² tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội đã được định giá có trị giá 80.200.000đ (sau khi đã trừ đi công sức đóng góp). **Tổng là 99.713.000đ**, chia cho 09 kỹ phần, gồm cụ Lú, cụ K, ông Lai, ông Tĩnh, bà B, ông Khanh, bà A, bà T và bà Điều, mỗi người được hưởng **01 kỹ phần trị giá là 11.079.000đ**.

6. Xác định di sản của cụ K, gồm: Diện tích đất nông nghiệp ở cánh đồng Đầu Trâu, thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội là 741m². Diện tích đất này đã thu hồi và được bồi thường tương ứng với số tiền 142.255.000đ (sau khi đã trừ đi công sức đóng góp); 84,24m² đất nương mạ ở cửa Nhà thờ thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội tương ứng với số tiền 16.428.800đ; ½ diện tích đất ở 142m² tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội đã được định giá có trị giá 80.200.000đ và 1 kỹ phần di sản thừa kế của cụ D là 11.079.000đ. **Tổng là 249.962.800đ**, chia cho 06 kỹ phần, gồm ông Tĩnh, bà B, ông Khanh, bà A, bà T, bà Điều mỗi người được hưởng **01 kỹ phần trị giá là 41.660.000đ**.

7. Về kỹ phần thừa kế và người được hưởng thừa kế:

Do cụ Nguyễn Thị L chết 2002, Ông Phạm Đình L chết 2007 nên Bà Nguyễn Thị P là vợ ông Lai, Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H là con của ông Lai là những người được hưởng thừa kế thế vị của ông Lai.

Ông Phạm Đức T chết 2010 nên bà Phạm Thị C là vợ ông Tĩnh, Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và anh Phạm Trung Kiên là con của ông Tĩnh là những người được hưởng thừa kế thế vị của ông Tĩnh.

Ông Phạm Văn K chết 2015 nên Bà Dương Thị V là vợ ông Khanh, Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N là con của ông Khanh là những người được hưởng thừa kế thế vị của ông Khanh.

Bà Nguyễn Thị P là vợ ông L, Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H là con của ông Lai được hưởng 02 kỹ phần của cụ Phạm Văn D, gồm có 01 kỹ phần của cụ Nguyễn Thị L và 01 kỹ phần của ông Phạm Đình L, trị giá là 11.079.000đ x 2 = **22.158.000đ**.

Bà Phạm Thị C là vợ ông Tĩnh, Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và anh Phạm Trung K là con của ông Tĩnh được hưởng một kỹ phần di sản của của cụ

Phạm Văn D là 11.079.000đ và 01 kỷ phần di sản của cụ Nguyễn Thị K là 41.660.000đ, **Tổng là 52.739.000đ.**

Bà Dương Thị V là vợ ông Khanh, Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N là con của ông K được hưởng một kỷ phần di sản của cụ Phạm Văn D là 11.079.000đ và 01 kỷ phần di sản của cụ Nguyễn Thị K là 41.660.000đ, **Tổng là 52.739.000đ.**

Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ mỗi người được hưởng một kỷ phần di sản của cụ Phạm Văn D là 11.079.000đ và 01 kỷ phần di sản của cụ Nguyễn Thị K là 41.660.000đ. **Tổng là 52.739.000đ.**

7. Về phân chia di sản thừa kế và thanh toán chênh lệch tài sản:

7.1. Giao diện tích 142m² đất ở tại thửa đất số 28, tờ Bản đồ PL 08 tọa lạc tại thôn Hòa Trung B, xã Tiên Nội (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), thị xã Duy Tiên mang tên cụ Nguyễn Thị K, trị giá 170.400.000đ cho Bà Dương Thị V, Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N cùng quản lý và sử dụng. Bà V, anh K, chị Nhung được hưởng 01 kỷ phần thừa kế cụ D và 01 kỷ phần thừa kế của cụ K, có tổng trị giá 52.739.000đ và 10.000.000đ (công sức quản lý), **tổng là 62.739.000đ.** Đối trừ chênh lệch tài sản, bà V, anh K và chị Nhung có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, bà A, bà T và bà Điều mỗi người số tiền 26.915.000đ. Bà V, anh K và chị Nhung có trách nhiệm kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

7.2. Giao diện tích 84,24m² đất nông nghiệp tại khu cửa nhà thờ Hòa Trung B (nay là Tổ dân phố Hòa Trung B, phường Tiên Nội), thị xã Duy Tiên cho bà Phạm Thị C, Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và Anh Phạm Trung K cùng được quản lý sử dụng. Bà C, chị S, chị D và anh K được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của cụ D và 01 kỷ phần thừa kế của cụ K, có tổng trị giá 52.739.000đ và 10.000.000đ (công sức quản lý), **tổng là 62.739.000đ.** Đối trừ giá trị di sản thừa kế được chia 84,24m² đất mạ tại khu Nhà Thờ, trị giá 16.428.800đ. Nay bà C và các con được còn được nhận số tiền 46.310.000đ từ khoản tiền bồi thường đất nông nghiệp của cụ Phạm Văn D, cụ Nguyễn Thị K bị thu hồi.

7.3. Bà Nguyễn Thị P là vợ ông Lai, Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H là con của ông Lai được hưởng 02 kỷ phần của cụ Phạm Văn D, gồm có 01 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị L và 01 kỷ phần của ông Phạm Đình L, trị giá là 11.079.000đ x 2 = **22.158.000đ** từ khoản tiền bồi thường đất nông nghiệp của cụ Phạm Văn D, cụ Nguyễn Thị K bị thu hồi.

7.4. Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ mỗi người còn được nhận số tiền **25.829.000đ** từ khoản tiền bồi thường đất nông nghiệp của cụ Phạm Văn D, cụ Nguyễn Thị K bị thu hồi.

7.5. Yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên bàn giao số tiền

171.768.000đ có được từ việc thu hồi diện tích 842m² đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Phạm Thị C để thực hiện việc thi hành án.

8. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi cho việc xem xét tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000đ, bà Phạm Thị B là người đã tạm ứng cho Tòa án số tiền 2.400.000đ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

Nay buộc Bà Nguyễn Thị P, Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà B số tiền 150.000đ; bà Phạm Thị C, Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và Anh Phạm Trung K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà B số tiền 375.000đ; Bà Dương Thị V, Anh Phạm Văn K và Chị Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà B số tiền 375.000đ; Bà Phạm Thị A, Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Đ mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền 375.000đ để hoàn lại cho bà Phạm Thị B.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị B, Bà Nguyễn Thị P, bà Phạm Thị C và Bà Dương Thị V.

Anh Phạm Minh P, Chị Phạm Thị H và Chị Phạm Thị H mỗi người phải chịu số tiền 275.000đ; Anh Phạm Văn K, Chị Phạm Thị N mỗi người phải chịu 879.000đ; Chị Phạm Thị S, Chị Phạm Thị D và Anh Phạm Trung K mỗi người chịu 659.000đ; bà Phạm Thị Anh, Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ mỗi người chịu 2.637.000đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị C không phải nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- TAND thị xã D;
- Chi Cục THADS thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn San

